TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2023/DS-ST
Ngày 26-9-2023
Về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại và di dời tài sản trên đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền;

Bà Hà Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2023/TLST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại và di dời tài sản trên đất"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt và ủy quyền cho bà Triệu Thị T tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn: Bà Triệu Thị T, sinh năm 1968. địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Hoàng Thị G, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Uỷ ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố

tụng: Ông Hoàng Văn Cầm - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

3.2. Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Trường – Chức vụ: Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thế Anh – Trạm trưởng trạm kiểm lâm xã Lãng Ngâm, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ông Nguyễn Thế Anh.

3.3. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3.4. Anh Phương Văn T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3.5. Anh Vi Văn H1, sinh năm 2004. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt và ủy quyền cho bà Triệu Thị T tham gia tố tụng.

3.6. Anh Vi Văn H2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt và ủy quyền cho bà Triệu Thị T tham gia tố tụng.

4. Người làm chứng:

- Ông Vi Hải D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Trần Văn V1, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Hoàng Thị V2, sinh năm 1942. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Những người làm chứng đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Hằng và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Triệu Thị Thiềm trình bày:

Gia đình bà Trần Thị H có 01 khu đất rừng tại địa điểm dốc dài khe Khuổi Trù, tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, thuộc thửa đất 1134, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số LNH00111 ngày 16/12/2009 có tổng diện tích 30.558m^2 mang tên ông Vi Văn B (đã chết năm 2006) bà Trần Thị H. Nguồn gốc diện tích đất trên là của ông Vi Văn T (bố chồng bà H) nhận giao khoán từ năm 1995, sau đó ông Tô chia đất cho các con là ông Vi Văn B và Vi Văn H quản lý sử dụng, ranh giới thửa đất ông Bóng được chia giao nhau ở khe Dốc Dài bên

trái giáp đất ông Vi Văn H (anh trai ông B); bên phải giáp đất ông Phương Văn H (chồng bà G) bên dưới chân là khe suối, trên đỉnh giáp với đất ông Nguyễn Văn H. Từ khi ông Vi Văn B (chồng bà H) chết do điều kiện và đặc thù công việc và các con còn nhỏ bà H không có thời gian trông coi bảo vệ rừng nên bà H nhờ bà Nông Thị T (chị dâu) thay gia đình trông coi quản lý chăm sóc. Bà Hoàng Thị G là hộ có đất giáp ranh đã phát và lấn chiếm vào đất của gia đình bà Hằng chặt phá, đốt bỏ các cây rừng và trồng cây mỡ vào diện tích đất trên. Bà đã đề nghị tiểu khu A và Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn B giải quyết. Đến ngày 29/4/2022 tiểu khu A tiến hành hoà giải nhưng không thành. Ngày 09/8/2022 UBND thị trấn B hoà giải những không thành.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Hoàng Thị G trả lại diện tích đất tranh chấp là 2.900m^2 có trong thửa 1134 cho gia đình bà.

- Buộc bà Hoàng Thị G phải bồi thường số cây rừng đã phát và chặt phá trên lô đất rừng của gia đình bà với số tiền 15.000.000 đồng là số cây gia đình bà đã trông coi bảo vệ từ khi giao đất giao rừng đến nay.

- Buộc gia đình bà Hoàng Thị G di dời toàn bộ số cây đã trồng trái phép trên khu đất rừng của gia đình bà.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị G trình bày:

Vị trí thửa đất tranh chấp đúng như nguyên đơn xác định. Về nguồn gốc khu đất tranh chấp bà G trình bày Khu đất đó Diện tích đất tranh chấp gia đình bà Giàng đã quản lý trông coi từ năm 1991, phát trồng ngô, khoai, sắn … Năm 1992 nhà nước giao đất, giao rừng gia đình bà nhận khu đất này phần trên đỉnh khoanh nuôi bảo vệ rừng, phần giáp suối gia đình tiếp tục tăng gia trồng màu. Năm 1994, 1995 dự án huyện Ngân Sơn thiết kế hỗ trợ trồng rừng là loại cây thông và cây sa mộc. Năm 1999 được cấp Hợp đồng giao khoán và bảo vệ và khoanh nuôi rừng số 57/HĐ-DA ngày 16/01/1999 trong đó rừng tự nhiên 3,6ha; đất trống 2,2ha. Năm 2014 được thiết kế trồng rừng theo Hợp đồng trồng rừng số 06/2014/BCA/NS/NP/HĐTR ngày 07/5/2014 nằm trong sơ đồ khu vực giao khoán hợp đồng số 57. Diện tích đất tranh chấp năm 1994 - 1995 được nhà được giao đất lô 98 trong biểu tổng hợp diện tích giao đất lâm nghiệp năm 1992 - 2000 (theo đơn vị hành chính). Gồm có: Đặng Văn N lô 86; Vi Hải D lô 87; Chu Ký Pảo lô 93, 96 (chỉ có 1 lô tiếp giáp đất bà G); Trương Văn T lô 89; Trần Thị L lô 90; Trương Văn P lô 91; Vi Văn T lô 92, diện tích 6,7ha (bố đẻ ông Vi Văn B); Phương Văn H (Hoàng Thị G) lô 98, diện tích 5,8ha. Hiện nay thửa đất 1134 của ông Vi Văn B diện tích 30.558m^2 lô 95 khoảnh 2, tiểu khu 146 có bản đồ Vi Văn B năm 2018 nay là thửa 1134 một phần nằm trên lô 98 của gia đình bà G.

Nay bà H yêu cầu bà trả lại phần diện tích đang tranh chấp và bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng bà không đồng ý vì bà cho rằng đất đó là của gia đình bà. Bà không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Triệu Thị T trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp từ năm 1991 ông Vi Văn T (chết năm 2001) được nhà nước giao đất khoanh nuôi rừng ông T nhận rừng đầu nguồn được chi trả công bảo vệ chăm sóc khoanh nuôi rừng tái sinh, sau đó chia cho ông Vi Văn Bo (con ông T) từ đó gia đình vẫn khoanh nuôi bảo vệ rừng, năm 2007 ông B chết do nhà neo người và bận công việc nên bà H đã nhờ bà T trông coi bảo vệ thửa đất này. Bà G có đất giáp ranh đã cố tình phát lấn chiếm 03 lần vào năm 2001, năm 2015 và vào tháng 4/2022, những lần bà G phát lấn chiếm vào thửa đất bà H thì bà T đều làm đơn lên UBND thị trấn B để can thiệp. Diện tích tranh chấp một bên giáp suối, một bên giáp đất bà G; một bên giáp đất ông Vi Văn H; một bên giáp ông Nguyễn Văn H.

- Anh Phương Văn T trình bày: Diện tích đất tranh chấp do bố mẹ anh là ông Phương Văn H và bà Hoàng Thị G khai phá, quản lý sử dụng và được nhà nước giao đất, khi anh còn nhỏ được đi cùng bố mẹ trồng ngô, đến năm 2014 UBND thị trấn B thiết kế để trồng cây mỡ khi trồng cây chết nhiều sau đó gia đình anh trồng lại thì xảy ra tranh chấp, bà Hằng chưa bao giờ canh tác trên thửa đất này, hiện tại trên đất có các cây mỡ và một số cây thông và cây sa mộc do gia đình anh trồng.

- Anh Vi Văn H1, anh Vi Văn H2: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, mẹ đẻ của mình và cũng ủy quyền cho bà Triệu Thị T, là bác dâu của mình tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Theo văn bản số 2904/UBND-TNMT, ngày 25/9/2023 về việc phúc đáp văn bản số 128/TABK ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn với ý kiến như sau: Đối với lô 95, khoảnh 2, tiểu khu 146 và lô O, khoảnh 2, tiểu khu 146 thuộc tiểu khu 1 hiện nay thuộc thửa nào và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai? Qua số liệu cung cấp từ UBND thị trấn B dựa trên bản đồ tổng hợp giao đất lâm nghiệp 1994 – 2000 không thể hiện có lô 95, khoản 2, tiểu khu 146; Lô O, khoảnh 2, tiểu khu 146 (số lô theo bản đồ thiết kế trồng rừng kiểm lâm), hiện nay thuộc thửa 1134, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vi Văn B và bà Trần Thị H. Về quy trình, thủ tục cấp GCNQSDĐ đất đối với thửa 1121, tờ bản đồ số 1 đối với hộ ông Phương Văn H và thửa số 1134, tờ bản đồ số 1: Các thửa đất trên được cấp theo dự án 2009, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn làm chủ đầu tư, các trình tự thủ tục cấp giấy theo Luật Đất đai năm 2023 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2009 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Hai thửa 1121 và thửa 1134 giáp ranh nhau, qua đối chiếu đường bình độ trên bản đồ lâm nghiệp 2009 thể hiện một phần diện tích đất gần suối của 02 thửa đất ngăn cách nhau bởi khe. Tuy nhiên, để xác định được chính xác của cả thửa cần tiến hành đo đạc, cắm mốc, kiểm tra thực địa đất.

Trong biên bản xác minh và quá trình giải quyết vụ án Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Tại Hợp đồng trồng rừng số 06/2014/BCA/NS/NP/HĐTR ngày 07/5/2014 giữa Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn - bên A với ông Phương

Văn H (chồng bà Hoàng Thị G) - bên B, nội dung: Bên A hỗ trợ bên B trồng rừng, diện tích 0,5 ha tại Lô O, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 thuộc thị trấn B: Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn do Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn là Trưởng ban. Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn trực tiếp tham mưu thực hiện Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn giai đoạn 2011 - 2020 bao gồm hoạt động hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2014.

Căn cứ Hồ sơ - Bản đồ thiết kế trồng rừng sản xuất năm 2014 với Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn: Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn xác định Lô O, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ thiết kế trồng rừng sản xuất năm 2014 là thuộc Lô 43974, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 - Thuộc thửa đất 1121 do ông Phương Văn H là chủ quản lý.

Đối chiếu vị trí khu vực hiện đang tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H và bà Hoàng Thị G do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn cung cấp: Phần lớn diện tích tranh chấp thuộc Lô 81, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 - Thuộc thửa đất 1134 do ông Vi Văn B là chủ quản lý. Khu vực hiện đang tranh chấp không thuộc vị trí được thiết kế trồng rừng năm 2014 theo Hợp đồng trồng rừng số 06/2014/BCA/NS/NP/HĐTR ngày 07/5/2014 do bà Hoàng Thị G cung cấp.

Ngày 10/8/2023, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định diện tích đất tranh chấp kết quả như sau:

Thửa đất tranh chấp có địa chỉ tại tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Về tứ cận tiếp giáp:

+ Phía bắc giáp khe suối;

+ Phía nam nằm trong thửa 1134 của bà Trần Thị H;

+ Phía đông giáp thửa 1121 của bà Hoàng Thị G;

+ Phía tây nằm trong thửa 1134 của bà Trần Thị H.

Về diện tích tranh chấp là 9.735,5m^2, trong đó có 840,3m^2 nằm trong thửa 1121 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phương Văn H và bà Hoàng Thị G, còn 8.895,2 m^2 nằm trong phần diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ sử dụng đất mang tên hộ ông Vi Văn B và bà Trần Thị H (ông Vi Văn B hiện nay đã chết).

Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, tờ bản đồ số 1 xác định: Toàn bộ thửa đất tranh chấp nằm trong thửa số 1134, tờ bản đồ số 1, đã được UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cấp GCNQSDĐ số LNH00111/QĐ số 1153/2009/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 cấp cho hộ ông Vi Văn B và bà Trần Thị H.

Đối chiếu với bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 tiểu khu 1, thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xác định: Thửa đất tranh chấp nằm trong lô Lô 81, Khoảnh 2, Tiểu khu 146.

Về hiện trạng: Trên thửa đất tranh chấp có các cây mỡ và một số cây tạp do bà Hoàng Thị G trồng.

Những người làm chứng trong vụ án trình bày:

- Người làm chứng ông Trần Văn V xác nhận: Ông là hàng xóm với bà H và bà Giàng. Khu đất tranh chấp giữa bà H và bà G trước đây là của lâm trường, khoảng năm 1994-1995 hộ ông Vi Văn T được giao đất tại khu vực đó, bà T (con dâu ông T) trực tiếp quản lý tại khu vực đất đó, bà G được giao đất gần khu vực tranh chấp đó, cuối năm 2021 bà Giàng phát cây tại khu đất tranh chấp cho đến năm 2022 thì bà G trồng cây.

- Người làm chứng bà Vũ Thị Q xác nhận: Bà là hàng xóm bà H và bà G. Năm 1993 bà Q chuyển nhà lên đây sinh sống thấy bà G trồng ngô, khoai … Sau đó có dự án trồng rừng thấy bà G trồng cây sa mộc và dự án 5triệu/ha bà G trồng cây mỡ ở khu đất tranh chấp còn gia đình bà H trồng cây gì không thì bà Q không biết.

- Người làm chứng bà Hoàng Thị V xác nhận: Khoảng năm 1995, ông T bố của ông Vi Văn B (chồng bà H) và ông Phương Văn H (chồng bà G) đều được giao đất ở khu Khuổi Trù, tuy nhiên về ranh giới cụ thể bà V không biết.

- Người làm chứng ông Vi Hải D xác nhận: Gia đình bà H và bà G đều được giao đất tại khu vực đang có tranh chấp, về ranh giới thửa đất của bà H và bà G ông D không biết, khoảng năm 1995 bà Gi trồng cây mỡ và cây sa mộc tại khu vực đất tranh chấp. Hàng năm vẫn thấy gia đình bà H vẫn quản lý trông coi tại khu vực đó.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện:

- Buộc bà Hoàng Thị G trả lại cho bà H phần diện tích tranh chấp là 8.895,2m^2 trong tổng số diện tích 9.735,5m^2 nằm trong thửa 1134 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Vi Văn B (đã chết năm 2006) và bà Trần Thị H (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2023), còn diện tích 840,3m^2 nằm trong thửa 1121 đã được cấp cho hộ ông Phương Văn H và bà Hoàng Thị G (hiện đã chết năm 2019) bà nhất trí và công nhận phần đất đó là của gia đình ông H, bà G nên bà không yêu cầu đòi lại đồng thời bà yêu cầu bà G phải di chuyển số cây đã trồng trái phép trên khu đất của gia đình bà.

- Không yêu cầu bà Hoàng Thị G phải bồi thường số cây rừng đã phát và chặt phá trên lô đất rừng của gia đình bà H với số tiền là 15.000.000 đồng.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ, các bên đương sự đều nhất trí không có ý kiến gì về tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ Toà án đã thu thập được, các đương sự không giao nộp thêm tài liệu và chứng cứ mới, không yêu cầu Toà án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

- Toà án đã tiến hành mở phiên hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tuy nhiên các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên lời khai và không nhất trí với tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên các nội dung đã trình bày tại văn bản đã gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án đã có văn bản nêu ý kiến về việc giải quyết vụ án đầy đủ và có văn bản ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy việc vắng mặt không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Căn cứ các Điều 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật đất đai năm 2003; Điều 101, 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 34, Điều 217 của BLTTDS.

+ Đình chỉ xét xử đối với phần diện tích diện tích 840,3m^2 thuộc thửa 1121 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phương Văn H và bà Hoàng Thị G và yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000đ.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H buộc bị đơn bà Hoàng Thị G phải trả lại diện tích đất tranh chấp tích đất 8.895,2m^2 thuộc thửa số 1134, tờ bản đồ số 1, tại tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn và di dời tài sản trên diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho bà H.

+ Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu được sử dụng phần đất tranh chấp. vì vậy xác định đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngoài ra Nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn di dời tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất tranh chấp vì vậy Toà án nhân dân tỉnh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tại Điều 26 BLTTDS.

[1.2.] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà xét xử: Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng những lời khai và việc cung cấp cho Toà án đã đầy đủ. Do vậy việc Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 227 và 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xác định phần đất tranh chấp trong vụ án

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn và yêu cầu của các đương sự tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hoà giải và tại phiên toà có đủ căn cứ xác định: Phần đất tranh chấp giữa bà Trần Thị H và bà Hoàng Thị G là phần đất có diện tích 9.735.5m^2, trong đó có 840,3m^2 nằm trong thửa 1121 đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phương Văn H và bà Hoàng Thị G, còn 8.895.2m^2 nằm trong phần diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Vi Văn B và bà Trần Thị H (ông Phương Văn H và ông Vi Văn B hiện nay đều đã chết). Địa chỉ thửa đất thuộc tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi lấn chiếm, trả lại cho mình phần diện tích tranh chấp là 8.895,2 m^2. Còn phần 840,3m^2 còn lại, nguyên đơn rút yêu cầu không đề nghị Tòa án phải công nhận diện tích này là thuộc quyền sử dụng của mình nữa mà thừa nhận diện tích đó là của bị đơn. Đối với phần cây trên đất nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ cây tại phần đất tranh chấp mà không yêu cầu bồi thường thiệt hại số cây bị phát phá trái phép nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu này.

[2.2] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất

Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn bà Triệu Thị T trình bày: Trước năm 1995 bố chồng của nguyên đơn đồng thời là bố chồng bà Triệu Thị T là ông Vi Văn T đi giữ rừng để khôi phục rừng nguyên sinh, sau đó bố chồng của bà T chỉ cho bà ranh giới để bà đi bảo vệ để tránh việc đất trùng chéo với các hộ gia đình khác. Khi bố chồng bà T và bà H mất khoảng năm 2001, bố chồng bà T có nói với bà T và bà H là chia đất cho ông Vi Văn B (là em chồng của bà T và là chồng của bà H). Sau đó ông Vi Văn B có làm thủ tục để nhận thừa kế khu đất đó và được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Do nguyên đơn bận công tác nên đã giao khu đất đó cho bà Triệu Thị T quản lý, chăm sóc

và bảo vệ, quá trình được giao quản lý bà T vẫn thường xuyên vào khu rừng đó để phát dây leo lên cây to để chăm sóc cho cây phát triển.

Bị đơn bà Hoàng Thị G khai: Khu đất đó lúc đầu là đất đồi, năm 1991 bà vào trồng ngô, lúc đó UBND xã chưa giao đất cụ thể cho hộ gia đình nào. Đến năm 1992 ông tiểu khu trưởng là Nông Văn L (nay đã chết), đại diện UBND xã và Kiểm lâm (bà không nhớ rõ là ai) đến giao đất cho gia đình bà. Đến khoảng năm 1994-1995 bà được trồng cây sa Mộc và cây thông, cây ngô. Từ năm 1996 đến nay bà vẫn trồng ngô, sa mộc, cây mỡ và cây thông thì vẫn ở đó. Năm 2014 có dự án trồng rừng bị đơn có trồng cây mỡ ở khu đất tranh chấp đó, từ đó đến nay bà vẫn canh tác tại khu đất đó.

Người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án khai: Về nguồn gốc khu đất tranh chấp trước năm 1995 là đất rừng tự nhiên, khi có dự án giao đất giao rừng thì ông Vi Văn T được giao đất tại khu vực tranh chấp đó, bà G được giao đất tại khu đất gần khu đất đang tranh chấp sau đó khi Nhà nước giao đất giao rừng thì bà thấy bà G trồng ngô, khoai, sắn sau đó có trồng cây thông và sa mộc trên khu vực đất tranh chấp. Sau khi có dự án 5 triệu ha rừng thì bà Hoàng Thị G tiếp tục trồng cây mỡ ở khu đất tranh chấp.

Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn và phù hợp với lời khai của người làm chứng và có đủ căn cứ xác định: Trước năm 1995 khu đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên, không có ai canh tác, năm 1995 đến năm 2014 có các dự án trồng rừng của Kiểm lâm, nguyên đơn không thực hiện việc trồng rừng vì thời điểm đó hộ gia đình nào có nhu cầu sẽ đăng ký với Kiểm lâm, từ năm 2014 đến năm 2018 là rừng tự nhiên sản xuất, được trồng theo dự án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn thực hiện việc bảo vệ khu rừng xảy ra tranh chấp nêu trên. Khi bị đơn có hành vi trồng cây vào khu đất của nguyên đơn, hai bên đã xảy ra tranh chấp và đã hoà giải tại UBND thị trấn A (năm 2015) nhưng không thành. Do vậy, có thể khẳng định rằng nguyên đơn là người quản lý, bảo vệ rừng liên tục từ năm 1995 đến nay.

[2.3] Về trình tự, thủ tục giao đất, giao rừng:

Nguyên đơn khai: Năm 1995 Nhà nước triển khai việc giao đất, giao rừng, bố chồng của nguyên đơn là ông Vi Văn T đã kê khai và đề nghị giao đất và đã được giao đất tại tiểu khu 146, lô 92, diện tích rừng tự nhiên là 5,3ha trong đó bao gồm cả phần đất tranh chấp.

Bị đơn khai: Năm 1995 Nhà nước triển khai việc giao đất giao rừng, gia đình của bị đơn được giao đất tại lô 98, tiểu khu 146, diện tích 3,6ha trong đó có cả phần đất tranh chấp.

UBND thị trấn A tại biên bản xác minh ngày 25/8/2023 cung cấp: Đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp 1994, 1995, 1997, 1998, 1999, 2000 ông Phương Văn H (đã chết), chồng bà G được giao đất tại lô 98 diện tích 5,8ha và bản đồ giao đất lâm nghiệp

năm 2009, thửa đất bà Giàng được khoanh nuôi, giao khoán, khoanh nuôi theo Hợp đồng 57/HĐ-DA ngày 27/2/1999 tại tiểu khu 98, diện tích 3,6ha hiện nay là thửa số 1121, diện tích 59.135m^2 đã được UBND huyện Ngân Sơn cấp ngày 11/12/2009. Đối với lô 0 khoảnh 2 tiểu khu 146 thuộc khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn theo Hợp đồng trồng rừng số 6/2014/BCA/NS/NP/HĐTR ngày 07/58/2014 tại UBND thị trấn B, đối chiếu với bản đồ 2009 hiện nay thuộc thửa số 1121 diện tích 59.135m^2.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/9/2023, Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn cung cấp: Tại hợp đồng trồng rừng số 06/2014/BCA/NS/NP/HĐTR ngày 07/5/2014 giữa Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn - bên A với ông Phương Văn H (chồng bà Hoàng Thị G) - bên B, nội dung: Bên A hỗ trợ bên B trồng rừng, diện tích 0,5 ha tại Lô O, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 thuộc thị trấn B: Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn do Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn là Trưởng ban. Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn trực tiếp tham mưu thực hiện Dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn giai đoạn 2011 - 2020 bao gồm hoạt động hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2014. Căn cứ Hồ sơ - Bản đồ thiết kế trồng rừng sản xuất năm 2014 với Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn: Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn xác định Lô O, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ thiết kế trồng rừng sản xuất năm 2014 là thuộc Lô 43974, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 - Thuộc thửa đất 1121 do ông Phương Văn H là chủ quản lý. Đối chiếu vị trí khu vực hiện đang tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H và bà Hoàng Thị G do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn cung cấp: Phần lớn diện tích tranh chấp thuộc Lô 81, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 - Thuộc thửa đất 1134 do ông Vi Văn Bóng là chủ quản lý. Khu vực hiện đang tranh chấp không thuộc vị trí được thiết kế trồng rừng năm 2014 theo Hợp đồng trồng rừng số 06/2014/BCA/NS/NP/HĐTR ngày 07/5/2014 do bà Hoàng Thị G cung cấp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Đối chiếu giữa phần đất tranh chấp với bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 xác định thửa đất tranh chấp nằm tại Lô 81, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 - Thuộc thửa đất 1134 do ông Vi Văn B là chủ quản lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với kết quả xác minh tại UBND thị trấn B, Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn và phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và có đủ căn cứ xác định: Đối với thửa đất tranh chấp tại thời điểm giao đất năm 1995 là đất rừng tự nhiên sản xuất, cả nguyên đơn và bị đơn đều đã làm hồ sơ đề nghị giao đất, giao rừng, quá trình giao đất, giao rừng không trùng chéo, không tranh chấp và đều được giao đất tại khu vực tiểu khu 146. Do vậy có thể khẳng định việc giao đất đối với Lô O, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ thiết kế trồng rừng sản xuất năm 2014 là thuộc Lô 43974, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 - Thuộc thửa đất 1121 và Lô 81, Khoảnh 2, Tiểu khu 146 theo Bản đồ hiện trạng rừng

năm 2022 - Thuộc thửa đất 1134 là đúng quy định của pháp luật. Phần diện tích tranh chấp có diện tích 8.895,2m^2 nằm trong thửa đất 1134 mà ông Vi Văn Bóng được giao.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi lấn chiếm và công nhận quyền sử đất cho nguyên đơn diện tích tranh chấp là 8.895,2 m^2 và di dời toàn bộ cây đã trồng trên khu đất tranh chấp. Trước khi diễn ra phiên tòa xét xử sơ thẩm, dại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị phía bị đơn phải bồi thường số cây bị phát phá trái phép, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã phân tích ở trên, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là người trực tiếp được nguyên đơn giao cho quản lý, bảo vệ khu đất tranh chấp, do nguyên đơn bà Trần Thị H làm giáo viên, chồng mất sớm, con còn nhỏ nên không thường xuyên quản lý được, khu đất có ranh giới rõ ràng và đã được giao đất giao rừng từ năm 1995 sau đó được UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số LNH00111/QĐ số 1153/2009/QĐ-UBND, trình tự thủ tục cấp theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chăm sóc và bảo vệ, bà Hoàng Thị G đã có hành vi phát phá và trồng cây vào khu đất mà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Triệu Thị T quản lý. Vì vậy, căn cứ Điều 100 Luật Đất đai 2013, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị G phải trả cho nguyên đơn phần diện tích tranh chấp là 8.895,2m^2 và di dời toàn bộ số cây đã trồng trên đất tranh chấp tại tờ bản đồ số 1, thửa số 1134, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên, do bị đơn là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí do vậy bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. Về chi phí tố tụng:

Căn cứ điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 10.100.000 đồng là số tiền mà phía nguyên đơn đã chi trả trước khi xét xử sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Điều 101, Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1.1. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị G phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H phần đất tranh chấp có diện tích 8.895,2m^2 nằm trong thửa số 1134, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Thửa đất có tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau (sơ đồ cụ thể kèm theo bản án):

- Phía bắc giáp khe suối;

- Phía nam nằm trong thửa 1134 của bà Trần Thị H;

- Phía đông giáp thửa 1121 của bà Hoàng Thị G;

- Phía tây nằm trong thửa 1134 của bà Trần Thị Hằng.

1.2. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị G phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ số cây trồng trên phần diện tích tranh chấp 8.895,2 m^2 nằm trong thửa số 1134, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn có nghĩa vụ hướng dẫn cho bị đơn bà Hoàng Thị G việc di dời số cây trồng này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại phần diện tích diện tích 840,3m^2 thuộc thửa 1121, tờ bản đồ số 1 (địa chỉ thửa đất: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nằm trong GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phương Văn H và bà Hoàng Thị G) và yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) của nguyên đơn bà Trần Thị H.

3. Về án phí:

3.1. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Trần Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000335 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

3.2. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Hoàng Thị G.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị G phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền 10.100.000 đồng (mười triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà bà Trần Thị H đã chi trả trước khi xét xử sơ thẩm.

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục T.H.A DS tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng KTNV;
- UBND thị trấn B;
- Lưu HS;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công